

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 125 /2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 9650/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026, thay thế Quyết định số 77/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ



quan chức năng trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Đức).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 425/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong việc:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác;
5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
4. Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng được thực hiện thông qua văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu và theo đúng quy định. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Một số thông tin về đăng ký doanh nghiệp (bao gồm các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 74 và Điều 116 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP) của các doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở tại tỉnh Nghệ An đã được Bộ Tài chính công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng khai thác, tra cứu, trao đổi thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Trường hợp cần cung cấp các thông tin khác, ngoài các thông tin được công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, căn cứ chức năng, nhiệm vụ cơ quan chức năng có thể yêu cầu cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có quyền đề nghị cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Thuế tính công khai thông tin người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo về việc người nộp thuế là doanh nghiệp, hộ kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Các cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả...

Điều 7. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

Ngoài các thông tin được công khai trên Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia, hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh: bằng văn bản, trao đổi trực tiếp hoặc thư điện tử.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN; THEO DÕI TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 8. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong xác minh, xử lý vi phạm bao gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch thanh tra để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến; ban hành kế hoạch thanh tra, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ, cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động rà soát, phối hợp với kiểm toán nhà nước và các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương đóng trên địa bàn để dự kiến kế hoạch kiểm tra. Trong kế hoạch kiểm tra hàng năm của mình, các cơ quan phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra.

Sau khi nhận được kế hoạch thanh tra năm sau liền kề của Thanh tra tỉnh; các cơ quan căn cứ để hoàn thiện dự thảo kế hoạch kiểm tra và gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh cho ý kiến trước khi ban hành để tránh chồng chéo, trùng lặp.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp về đối tượng; gửi cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra, kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện kiểm tra độc lập.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp; cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký; nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

b) Cơ quan công an xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh là giả mạo;

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó;

d) Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm xác định doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm ngừng hoạt động kinh doanh (01 năm đối với doanh nghiệp, quá 06 tháng đối với hộ kinh doanh) mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thuộc diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký;

f) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành;

g) Cơ quan thuế, cơ quan hải quan có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

4. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định pháp luật. Đồng thời gửi quyết định thu hồi cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền nếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành Thông báo yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài do không đáp ứng đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều này, phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành Thông báo yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; đồng thời gửi cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã nhận thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài của cơ quan Đăng ký kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Chương IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 13. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, chia sẻ, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận hộ kinh doanh;

d) Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trước ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo năm, các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

4. Hàng năm, Sở Tài chính phối hợp với Thanh tra tỉnh dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 13 Quy chế này (khi có yêu cầu).

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.
3. Các cơ quan chức năng khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các Hội và Hiệp hội doanh nghiệp thuộc tỉnh thực hiện việc vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp tự giác chấp hành các quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan Nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính tổng hợp để nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./.

NGHỆ